

Bản án số: 104/2020/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 5 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Trần Thanh Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị Cẩm T, sinh năm 1994.

Cư trú tại: Ấp Phước Thắng A, xã A, huyện Đ, tỉnh B (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Hoài T, sinh năm 1989.

Cư trú tại: Ấp Hòa Hải, xã T, huyện Đ, tỉnh C (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2020 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Cao Thị Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh B. Trong quá trình chung sống anh T thường đánh, chửi và còn hay ghen vô cớ với chị, dẫn đến vợ chồng ly thân hơn 01 năm nay. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Cao Khánh L, sinh ngày 30/01/2018, hiện cháu L đang sống cùng anh T. Khi ly hôn chị thống nhất giao cháu L cho anh T nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Chị T xác định không có.

Đối với bị đơn anh Trần Hoài T : Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định pháp luật, nhưng anh T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Anh T đã được Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Vào ngày 27/3/2020 chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị T .

[2] *Về hôn nhân*: Chị T và anh T kết hôn vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, đến ngày 02/4/2013 đăng ký theo giấy chứng nhận kết hôn số 49/2013 tại Ủy ban nhân dân xã A , huyện Đ , tỉnh B , hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh T thường đánh, chửi và còn hay ghen vô cớ với chị. Nay, chị yêu cầu được ly hôn với anh T . Đối với anh T , Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ anh T để tham gia hòa giải nhưng anh T vắng mặt không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của chị T . Ngoài ra, vợ chồng anh chị đã ly thân hơn 01 năm nay và cũng không chung sống cùng nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai, nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*”. Viện dẫn theo điều luật quy định trên thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa chị T với anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh T .

[3] *Về nuôi con chung*: Tên Trần Cao Khánh L , sinh ngày 30/01/2018, hiện cháu L đang sống cùng anh T . Khi ly hôn chị thống nhất giao cháu L cho anh T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con...*”. Viện dẫn từ điều luật trên thấy rằng, từ khi anh chị ly thân đến nay cháu L do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Để không ảnh hưởng đến môi trường sống và sự phát triển lành mạnh về thể chất, tinh thần của cháu L . Do đó, cần giao cháu L cho anh T nuôi dưỡng. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con anh T chưa yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về chia tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về nợ*: Chị T xác định không có.

[6] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 2 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Cẩm T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Cao Thị Cẩm Tiên ly hôn với anh Trần Hoài T .

2. Về nuôi con chung: Giao Trần Cao Khánh L , sinh ngày 30/01/2018 cho anh Trần Hoài T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con anh T chưa yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Chị Cao Thị Cẩm T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010242 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị T, anh T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Đường sự;
- Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ ,tỉnh B;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Giang Nam

